

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HS-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Dầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Dũng, ông Lê Trường Vũ.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Huỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Q, sinh ngày 01/01/2005 tại Ô, An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông H, sinh năm 1968 và bà T, sinh năm 1974; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- **Bị hại:** Bà A, sinh năm 1962; địa chỉ: Khóm A, phường O, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Người làm chứng:**

+ Em N (có mặt).

Đại diện hợp pháp của em N: Bà A (có mặt).

+ Em K (có mặt).

Đại diện hợp pháp của em K: Bà V (có mặt).

+ Ông Q1 (có mặt).

+ Ông H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Q và N, là bạn bè. Khoảng 01 giờ ngày 01/5/2024, sau khi đi chơi, Q cùng với N về nhà của A (bà ngoại của N – ngụ xóm A, phường O, thị xã T), Q ngủ tại nhà của bà A. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Q thức dậy, thấy bà A, N không có nhà, nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bà A. Q lén lút vào phòng ngủ, mở tủ nhôm (loại tủ quần áo), lấy trộm 7.000.000 đồng, cất giấu. Khoảng 30 phút sau, khi N về, Q điều khiển xe mô tô chở N đi mua điện thoại và tiêu xài hết 4.500.000 đồng. Phát hiện mất tài sản, bà A trình báo Công an phường O, mời Q làm việc. Q khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên, giao nộp lại 2.500.000 đồng.

Ngày 21/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T, đã khởi tố, Q về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tang vật thu giữ gồm: 01 điện thoại di động Iphone XMAS 256G màu trắng có ốp lưng bằng nhựa màu hồng và Tiền Việt Nam 2.500.000 đồng, đã trả cho bị hại.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và bản ảnh đã lưu giữ phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà A xác nhận đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và giá trị tài sản tương đương với giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt, không có yêu cầu nào khác, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Q khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Cáo trạng số: 40/CT-VKSTC ngày 20/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người làm chứng đều khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng, ông H vắng mặt, nhưng quá trình điều tra đều khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Q, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản”, Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Trong phần tranh luận, bị cáo Q không có tranh luận và bào chữa gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Q bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã T khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khu vực khóm A, phường O, thị xã T, An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, người làm chứng, ông H vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các vật chứng đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/5/2024 tại nhà của A khóm A, phường O, thị xã T, Q thấy bà A, N không có nhà, nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bà A. Q lén lút vào phòng ngủ, mở tủ nhôm (loại tủ quần áo), lấy trộm 7.000.000 đồng, cất giấu. Phát hiện mất tài sản, bà A trình báo Công an phường O, mời Q làm việc. Q khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên, giao nộp lại 2.500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm

ít nghiêm trọng).

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Q là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe nhưng không tu dưỡng, rèn luyện để làm ăn chân chính và hướng thiện. Trong vụ án này, hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là chiếm đoạt được tài sản.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Q thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo Q đã tự nguyện sửa chữa do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đối với bị hại A và được bị hại A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo thuộc thành phần lao động khó khăn là tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét thấy, bị cáo Q không có tài sản, nghề nghiệp và không thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đã được xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Viện KSND TX. T (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TX. T (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Hữu Dãm